TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 951/2025/DS-ST
Ngày 30/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Ông Danh Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2025/QĐXX-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 440/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Địa chỉ: số a, đường b, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty SBA); Địa chỉ: số c, đường d, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật ông Lê Ngọc T- Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Gia T1 (Theo giấy uỷ quyền số 3350/2023/UQ-TGĐ ngày 05/10/2023)

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Mai Thị Thuý P, sinh năm 1991; Địa chỉ: 28/9/46 Lương Văn Can, phường Phú Định (Phường 15, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 10 năm 2023 nộp tại Toà án ngày 10 tháng 10 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia Thế trình bày: Ngày 07/05/2019, Bà Mai Thị Thuý P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Master; Số thẻ: 512341 – 4690; Hạn mức: 15.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 07/5/2019; Lãi suất áp dụng: 2.15 %/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 35.849.048 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.785.204 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm lẻ bốn đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/7/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.784.850 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2.6%/tháng).

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Mai Thị Thúy P phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 53.181.570 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 17.784.850 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng), lãi quá hạn là: 35.396.720 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng). Bà P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Phía nguyên đơn: Không yêu cầu Toà án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác và sớm đưa vụ án ra xét xử không phải hoà giải thêm.

Bị đơn bà Mai Thị Thúy P đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định về thẩm quyền phạm vi lãnh thổ của Toà án nhân dân khu vực.

[2] Xét nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Mai Thị Thúy P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Master; Số thẻ: 512341 – 4690; Hạn mức: 15.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 07/5/2019; Lãi suất áp dụng: 2.15 %/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 35.849.048 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.785.204 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm lẻ bốn đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/7/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.784.850 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2.6%/tháng). Các tình tiết

trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật.

[4] Xét trong quá trình thực hiện Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Master; Số thẻ: 512341 – 4690; Hạn mức: 15.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 07/5/2019; Lãi suất áp dụng: 2.15 %/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 35.849.048 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.785.204 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm lẻ bốn đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/7/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.784.850 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2.6%/tháng). Do bà Mai Thị Thúy P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Mai Thị Thúy P phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/9/2025 là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng.

Do đó Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị Thúy P có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 20/9/2025 là: 53.181.570 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 17.784.850 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng), lãi quá hạn là: 35.396.720 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 01/10/2025, nếu bà Mai Thị Thúy P vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, bà Mai Thị Thúy P vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị Thúy P phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định về thẩm quyền phạm vi lãnh thổ của Toà án nhân dân khu vực.

- Căn cứ các Điều 116, 117, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Mai Thị Thúy P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 53.181.570 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 17.784.850 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng), lãi quá hạn là: 35.396.720 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ký ngày 07/5/2019, loại thẻ: Master; Số thẻ: 512341 – 4690 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bà Mai Thị Thúy P.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 01/10/2025 bà Mai Thị Thúy P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì lãi suất mà bà Mai

Thị Thúy P phải tiếp tục thanh toán Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị Thúy P phải chịu là 2.659.079 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn không trăm năm mươi chín đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 744.025 (Bảy trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0030013 ngày 11/6/2024 cuả Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- TAND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Tiên